

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST

Ngày: 15 - 01 - 2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Lước;

2. Ông Bò Quốc Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Nhâm Hoàng Long – Kiểm Sát Viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Trương Văn A** (tên khác Tỷ P), sinh năm 1997, tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp G, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Nguyễn Thị Cẩm H (đều còn sống); Bị cáo chưa có vợ con, có 03 anh chị em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 04/2016/QĐ-TA ngày 12/4/2016, đã chấp hành xong ngày 09/01/2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/6/2020 đến ngày 25/11/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. **Trần Văn Đ**, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ₁ và bà Lê Kim H (đều còn sống); Bị cáo chưa có vợ con, có 02 anh em ruột lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: Không, tiền sự: Ngày 15/01/2020 bị Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên xử phạt 10.000.000đ về hành vi Tàng trữ công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép theo Quyết

định số 104/QĐ-XPVPHC, nộp phạt xong ngày 15/01/2020. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/6/2020 đến ngày 25/11/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

3. **Nguyễn Xuân G**, sinh năm 1999, tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Mua bán mủ cao su; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị P₁ (còn sống); Bị cáo chưa có vợ con, có 03 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến ngày 25/11/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn chuyển sang tạm giam và đến ngày 11/12/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt.

4. **Huỳnh Văn D**, sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Dương. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ B, ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1972 và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1978 (đều còn sống); Bị cáo chưa có vợ con, có 03 anh em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến ngày 25/11/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn sang tạm giam và đến ngày 11/12/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại*: Anh **Trương Hoàng P**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*

1. Anh **Huỳnh Trung C**, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

2. Bà **Trần Thị T** (tên gọi khác là M), sinh năm: 1970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

3. Chị **Nguyễn Thị Ngọc A₁**, sinh năm 2002; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố F, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương – Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

4. Ông **Nguyễn Dân B**, sinh năm 1971; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

5. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; tạm trú: Ấp A, phường V, thị xã T, tỉnh Bình

Dương - Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt;

6. Chị **Huỳnh Thụy Tường Q**, sinh năm 1999, Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương - Vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn A, Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D và Huỳnh Trung C là bạn bè quen biết nhau ngoài xã hội, trong đó A và C có quen biết bà Trần Thị T (tên khác là M) qua việc làm ăn môi giới bất động sản, A có quen biết tình cảm với Nguyễn Thị Ngọc A₁ là con gái bà T. Trương Hoàng P là người thuê ở trọ cạnh phòng trọ bà T và đồng thời P cũng có tình cảm với Ngọc A₁. Ngày 01/4/2020 P có hành vi quàng tay lên vai của Ngọc A₁ và bị bà T nhìn thấy nên kể lại cho A nghe nên giữa A và P xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau.

Đầu giờ chiều ngày 04/4/2020, Trương Văn A (tên thường gọi là P) cùng Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D đến nhà Huỳnh Trung C tại ấp G, xã M, huyện B để uống bia. Cả nhóm uống bia tại nhà C đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì C và A rủ cả nhóm đi sang nơi ở trọ của bà T thuộc Khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn V làm chủ tại Lô A, đường N, Khu tái định cư T, ấp S, xã T, huyện B để uống bia tiếp. Khi đến nơi do bà T đi vắng, ở phòng trọ chỉ có chị Nguyễn Thị Ngọc A₁ (con gái bà T) ở nhà và chị A₁ khóa trái cửa phòng trọ không mở cửa nên C đi sang tiệm tạp hóa mua bia và rủ cả nhóm cùng ngồi tại bộ bàn ghế đá trước cửa phòng trọ bà T để uống bia. Trong lúc uống bia, A kể lại việc mâu thuẫn với P trước đó cho cả nhóm cùng nghe đồng thời A kêu G đi sang phòng trọ của P (Phòng trọ số 2) xem P có ở nhà không, nếu có thì kêu P sang nói chuyện với A. G đi sang thấy có P ở trong phòng trọ nên quay về kêu A và Đ sang nói chuyện với P.

Khi nhìn thấy nhóm của A đang đi tới phòng trọ, P hoảng sợ nên khóa trái cửa lại và ở lại trong phòng nhưng xe mô tô biển số 61G1-735.XX của P vẫn còn để bên ngoài hàng lang nhà trọ. A kêu P mở cửa phòng ra nói chuyện nhưng P không mở cửa nên cả nhóm quay về ghế đá trước cửa phòng trọ bà T ngồi uống bia tiếp. Khoảng 20 phút sau, cả nhóm chuẩn bị ra về nhưng do bức tức P không mở cửa nên A cùng G, D và Đ đi sang tiếp tục gọi P mở cửa phòng trọ ra để nói chuyện nhưng P vẫn không mở cửa nên A nói với P “Mày không ra tao đập xe mày”, nói xong A kêu Đ, G và D đập phá xe mô tô của P để trước hàng lang dãy trọ. Lúc này A, G, D và Đ cùng nhau dùng cây và gạch, đá xây dựng tìm được ở bãi đất trống trước phòng trọ đập phá xe mô tô biển số 61G1-735.XX của P gây hư hỏng, riêng C không tham gia và chạy xe mô tô về trước. Sau khi đập phá do biển số xe bị gãy rơi xuống đất nên G nhặt biển số xe mang ra đường bỏ vào thùng rác, sau đó cả nhóm bỏ về. Ngày 05/4/2020 P đến Công an xã T, huyện B trình báo sự việc, Công an xã T đã mời Trương Văn A và Trần Văn Đ đến trụ sở làm việc. Qua làm việc, A và Đ đã khai nhận hành vi phạm tội nên Công an xã T

đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bắc Tân Uyên xử lý theo thẩm quyền. Tang vật thu giữ gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh - đen - bạc số máy JA39E1168748, số khung 3915KY306386, biển số 61G1-735.XX (biển số đã bị bể gãy).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-ĐGTS, ngày 08/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Tân Uyên đã xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh-bạc-xanh dương, biển số 61G1-735.XX, số khung 3915KY306386; số máy JA39E1168748 bị thiệt hại cụ thể: gương chiếu hậu phải bị bể, vỡ rời khỏi vị trí, gương chiếu hậu trái đứt rời, ốp nhựa đồng hồ km bể vỡ hoàn toàn, ốp nhựa đầu xe phía trước bể vỡ kích thước 13 x 10cm, mặt nạ trước bể vỡ rời khỏi vị trí, ốp nhựa chắn gió bên phải trên bể vỡ kích thước 17 x15cm, ốp nhựa chắn gió bên trái phía trên bể vỡ kích thước 15cm, chắn bên phải trước bể vỡ kích thước 10 x 19cm, chắn bùn sau gãy rời, ốp nhựa bên trái thân xe bể vỡ kích thước 14cm. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 2.260.000đ (Hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngày 03/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Bắc Tân Uyên đã khởi tố vụ án Hình sự, khởi tố bị can đồng thời ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trương Văn A và Trần Văn Đ đến ngày 24/7/2020 khởi tố bổ sung và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D.

Tại bản Cáo trạng số 87/CT-VKS-BTU, ngày 22/12/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên đã truy tố các bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G và Huỳnh Văn D về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường giá trị thiệt hại tài sản xe mô tô biển số 61G1-735.XX cho anh Trương Hoàng P tổng số tiền 13.000.000đ, bao gồm Trần Văn Đ bồi thường 3.000.000đ; Trương Văn A bồi thường 3.500.000đ; Nguyễn Xuân G bồi thường 3.300.000đ; Huỳnh Văn D bồi thường 3.200.000đ. Anh P xác nhận đã nhận đủ số tiền 13.000.000đ do các bị cáo bồi thường đồng thời có đơn xin bãi nại cho cả bốn bị cáo. Ngày 10/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bắc Tân Uyên đã giao trả cho anh Trương Hoàng P xe mô tô biển số 61G1-735.XX để anh P tự sửa chữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Huỳnh Thụy Tường Q khai giữa Q và Trương Hoàng P chỉ là bạn bè, do P không có hộ khẩu tại tỉnh Bình Dương nên không thể mua xe mô tô trả góp được nên P nhờ chị Q đứng tên mua xe mô tô biển số 61G1-735.XX trả góp do đó tên chủ xe mô tô ghi tên của chị Q trong giấy đăng ký xe. Xe mô tô nói trên do P mua trả tiền nên không liên quan đến chị Q.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: chị Nguyễn Thị Ngọc A₁, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Dân B, ông Nguyễn Văn V xác định không tham gia vào việc uống bia, không chứng kiến việc đập phá, gây hư hỏng tài sản của Trương Hoàng P nên không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Huỳnh Trung C xác định có tham gia uống bia cùng các bị cáo A, Đ, G và D vào ngày 04/4/2020 trước phòng trọ bà T. Sau khi uống bia xong, các bị cáo A, Đ, G và D đòi đập phá xe của anh P, anh C đã ngăn cản kêu cả nhóm đi về nhưng các bị cáo không nghe nên anh C chạy xe về trước nên không rõ việc đập phá tài sản nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa không thay đổi, bổ sung, rút truy tố mà vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Do bị cáo Trương Văn A có nhân thân xấu, bị cáo Trần Văn Đ có 01 tiền sự chưa được xóa nên đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 và khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn A từ 06 đến 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù.

Riêng bị cáo Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xử phạt các bị cáo Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong nên không đề cập.

Các bị cáo xác định việc Viện Kiểm sát đề nghị kết tội các bị cáo về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản là đúng người, đúng tội. Các bị cáo không tranh luận gì đối với Viện Kiểm sát về mức hình phạt đã đề nghị và xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp. Các bị cáo không tự bào chữa gì thêm cho mình.

Khi thực hiện lời nói sau cùng, cả 04 bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Huỳnh Văn D và Nguyễn Xuân G đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo đề nghị của Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: Quá trình điều tra, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại về tài sản là xe mô tô biển số 61G1-735.XX cho bị hại đã xong với số tiền 13.000.000đ, bị hại Trương Hoàng P không có yêu cầu nào khác và có đơn xin bãi nại cho cả bốn bị cáo. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: anh Huỳnh Trung C, chị Nguyễn Thị Ngọc A₁, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Dân B, ông Nguyễn Văn V, chị Huỳnh Thụy Tường Q không có yêu cầu gì trong vụ án do họ không bị thiệt hại về tài sản hoặc không có nghĩa vụ liên đới bồi thường nên việc anh C, chị A₁, bà T, ông B, ông V, chị Q xin vắng mặt tại phiên tòa không làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa và các bị cáo không ai yêu cầu hoãn phiên tòa vì lý do vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan đến vụ án.

[3] Về chứng cứ, hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D đã lần lượt khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Trương Hoàng P và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Trung C, Nguyễn Thị Ngọc A₁, Nguyễn Dân B, Trần Thị T, Nguyễn Văn V, Huỳnh Thụy Tường Q và trùng khớp với lời khai, biên bản hỏi cung, phúc cung của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản xác định hiện trường, kiểm tra, xác định thiệt hại cùng những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/4/2020, tại khu nhà trọ của ông Nguyễn Văn V thuộc ấp S, xã T, huyện B, các bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G và Huỳnh Văn D đã có hành vi dùng cây, gậy, gạch, đá dùng trong xây dựng đập phá tài sản là xe mô tô biển số 61G1-735.XX của anh Trương Hoàng P gây thiệt hại tài sản trị giá 2.260.000đ. Mục đích các bị cáo đập phá tài sản của anh P chỉ vì sự mâu thuẫn không đáng có giữa bị hại Trương Hoàng P và bị cáo Trương Văn A xảy ra trước đó vài ngày. Hành vi đập phá xe mô tô của người khác gây thiệt hại trị giá 2.260.000đ của các bị cáo A, Đ, G, D đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên truy tố các bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D với tội danh “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ đồng thời gây hoang mang, lo sợ cho nhân dân trong khu vực và ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do nóng nảy, bức tức từ sự mâu thuẫn nhỏ nhất trước đó giữa bị cáo An và bị hại Phúc, sẵn có chất bia kích thích trong người nên các bị cáo không kiềm

chế được bản thân dẫn đến hành vi đập phá tài sản người khác, thể hiện tính côn đồ, bất chấp pháp luật khi thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này, bị cáo Trương Văn A là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực nhất, là người chủ mưu, cầm đầu, khơi gợi mâu thuẫn trước đó giữa bị cáo và bị hại để lôi kéo, xúi giục các bị cáo Đ, G, D thực hiện hành vi dùng vật cứng, sắc nhọn đập phá tài sản của người khác gây hư hỏng.

Các bị cáo Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D dù không quen biết, không mâu thuẫn gì với bị hại Trương Hoàng P nhưng khi được bị cáo A đề xuất, rủ rê đập phá tài sản là xe mô tô của người khác, các bị cáo không suy nghĩ đến hành vi đó là vi phạm pháp luật mà đã đồng ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo Đ, G, D thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý và giữ vai trò là người trực tiếp thực hiện hành vi đập phá tài sản cùng với bị cáo A (người thực hành). Về vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do các bị cáo Đ, G, D trong vụ án là ngang nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả bốn bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại tài sản cho bị hại Trương Hoàng P nên cần áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho cả bốn bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Nguyễn Xuân G, Huỳnh Văn D. Ngoài ra trong quá trình điều tra, bị hại Trương Hoàng P đã tự nguyện viết đơn xin bãi nại cho cả 04 bị cáo nói trên nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho cả bốn bị cáo A, Đ, G và D.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 04 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Trương Văn A có nhân thân xấu do trước đây bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy đã bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và đã chấp hành xong ngày 09/01/2018. Lẽ ra bị cáo phải ý thức được việc chấp hành pháp luật, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội, không vi phạm pháp luật nhưng bị cáo A vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo A ý thức việc tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm chung, cần xử phạt bị cáo A mức hình phạt nghiêm để trừng trị, giáo dục, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội nên cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo tự cải tạo bản thân trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Trần Văn Đ đã có 01 tiền sự về hành vi “Tàng trữ công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép”, bị Ủy ban nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương ra quyết định số 104/QĐ-XPVPHC, ngày 15/01/2020, xử phạt Trần Văn Đ số tiền 10.000.000đ, đã nộp phạt xong ngày 15/01/2020. Bị cáo nhận quyết định xử lý vi phạm hành chính nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân về hành vi vi phạm pháp luật để tự cải tạo mình trở thành người tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý làm hư hỏng tài sản người khác khi mới chấp hành quyết định xử phạt hành chính được 02 tháng 19 ngày, chứng tỏ bị cáo Đ rất xem thường pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo Đ không đủ các điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghĩ cần cách ly bị cáo Đ ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để có tác dụng trừng trị, răn đe hành vi xem thường pháp luật của bị cáo và cũng đồng thời có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo Đ trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội trong thời gian chấp hành án.

Bị cáo Nguyễn Xuân G và bị cáo Huỳnh Văn D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được gia đình bảo lãnh đã hội đủ các điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, việc giao các bị cáo G, D cho gia đình và chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục thì các bị cáo cũng đủ khả năng tự cải tạo bản thân mà không gây nguy hiểm cho xã hội, cũng không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[7] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu xanh - bạc - xanh dương, biển số 61G1-735.XX, số khung 3915KY306386; số máy JA39E1168748 bị thiệt hại tổng cộng 2.260.000đ, hiện cơ quan điều tra xử lý giao trả cho bị hại Trương Hoàng P đã xong, các bị cáo A, Đ, D, G đã thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại Trương Hoàng P số tiền 13.000.000đ và anh P không có yêu cầu nào khác liên quan đến xe mô tô nói trên nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 38, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ;

Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65, khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, các Điều 2, 4, 5, 6 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với các bị cáo Huỳnh Văn D, Nguyễn Xuân G;

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn A (tên gọi khác: P), Trần Văn Đ, Huỳnh Văn D và Nguyễn Xuân G phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Trương Văn A 08 (Tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2020;

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2020;

- Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn D 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/01/2021.

Giao bị cáo Huỳnh Văn D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương và gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân G 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15/01/2021.

Giao bị cáo Nguyễn Xuân G cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương và gia đình để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Thi hành án hình sự.

Trong trường hợp thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong nên không đặt ra.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong nên không đặt ra.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trương Văn A, Trần Văn Đ, Huỳnh Văn D, Nguyễn Xuân G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an tỉnh Bình Dương (PV27) (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS H. Bắc Tân Uyên (01);
- Các bị cáo (04);
- Người tham gia tố tụng khác (07);
- Lưu: HSPA, Tòa (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh

